

**Phần I. Đọc hiểu (6,0 điểm)****1/ Trắc nghiệm khách quan (4,0 điểm):**

**Câu 1.** Cách nhận biết của thể thơ thất ngôn tứ tuyệt Đường luật là gì?

- A. Số tiếng: 7 tiếng; số dòng: 4 dòng
- B. Vận: vận chân, độc vận, gieo vần cách
- C. Hải thanh: theo luật trắc hoặc luật bằng
- D. Tất cả các ý trên

**Câu 2.** Đâu không phải là nguyên nhân ra đời của Thần thoại?

- A. Xã hội phân hóa giai cấp.
- B. Nhu cầu nhận thức, lí giải thế giới tự nhiên.
- C. Khát vọng chinh phục thế giới tự nhiên.
- D. Quan niệm “vạn vật hữu linh”.

**Câu 3.** Hình ảnh thơ trong thơ Đường thường:

- A. Xúc tích, mang tính biểu đạt cao
- B. Tả cảnh ngụ tình, thể hiện tình yêu quê hương, đất nước.
- C. Mang tính ước lệ, tượng trưng cao, chứa đựng tâm sự, cảm xúc của tác giả về thiên nhiên, thời cuộc, thân phận con người.
- D. Bình dị, thân thuộc, thể hiện cá tính của nhà thơ.

**Câu 4.** Ba bài thơ thu gồm *Thu vịnh*, *Thu điếu*, *Thu ẩm* là của tác giả nào?

- A. Nguyễn Khuyến
- B. Bà Huyện Thanh Quan
- C. Trần Tế Xương
- D. Nguyễn Trãi

**Câu 5.** Quan hệ con người trong tác phẩm sử thi là quan hệ gì?

- A. Cá nhân đứng trên cộng đồng thị tộc
- B. Cá nhân gắn bó với cộng đồng thị tộc
- C. Cá nhân đứng bên ngoài cộng đồng thị tộc
- D. Cá nhân xung đột với cộng đồng thị tộc

**Câu 6.** Thần thoại và sử thi đều sử dụng ngôi kể:

- A. Ngôi thứ nhất
- B. Ngôi thứ ba
- C. Ngôi thứ hai
- D. Ngôi thứ nhất kết hợp với ngôi thứ ba

**Câu 7.** Thủ pháp nghệ thuật nào thường được sử dụng trong sử thi:

- A. So sánh
- B. Nhân hoá
- C. Ẩn dụ
- D. Hoán dụ

**Câu 8.** Điều gì làm nên sức hấp dẫn của truyện thần thoại?

- A. Nhân vật truyện
- B. Các chi tiết kì ảo
- C. Giá trị nội dung, tư tưởng.
- D. Đặc sắc nghệ thuật và giá trị nội dung, tư tưởng.

**2/ Tự luận:**

**Đọc văn bản sau đây và trả lời các câu hỏi bên dưới (2,0 điểm).**

Một người đàn ông đi qua một trại voi và anh ta phát hiện ra rằng những con voi không bị nhốt trong chuồng hay bị cột bằng những sợi xích lớn. Tất cả những gì giữ chúng lại chỉ là một sợi dây thừng nhỏ buộc vào chân.

Trong đầu anh ta liền đặt ra một câu hỏi: Những con voi này có thể dễ dàng dùng sức mạnh của nó và thoát khỏi sợi dây thừng đó nhưng tại sao chúng không làm vậy?

Tò mò và muốn biết câu trả lời. Anh đã hỏi một huấn luyện viên gần đó tại sao những con voi chỉ đứng đó và không bao giờ cố gắng trốn thoát.

Huấn luyện viên trả lời: “Khi chúng còn rất nhỏ và nhỏ hơn nhiều, chúng tôi sử dụng một sợi dây có cùng kích thước để buộc chúng, nó đủ để giữ chúng. Khi chúng lớn lên, chúng tin rằng chúng không thể tách rời và thoát ra khỏi sợi dây thừng đó vì vậy những chú voi không bao giờ cố gắng thoát ra”.

Lý do duy nhất khiến những con voi không thoát ra và trốn khỏi trại là vì theo thời gian. Chúng chấp nhận niềm tin rằng điều đó là không thể.

(Theo Internet – Nghệ thuật sống)

**Câu 1 (1,0 điểm).** anh/chị có suy nghĩ gì về hình ảnh “sợi dây thừng”.

**Câu 2 (1,0 điểm).** Từ văn bản trên, anh/chị hãy rút ra cho mình một thông điệp ý nghĩa nhất? (viết đoạn văn khoảng 5-7 dòng).

**Phần II. Viết (4,0 điểm)**

Cảm nhận của anh/ chị về bài thơ *Chùa Trấn Bắc*<sup>1</sup> của Bà Huyện Thanh Quan:

*Trấn Bắc hành cung<sup>2</sup> cỏ dãi dầu*

*Khách đi qua đó chạnh niềm đau*

*Máy toà sen rót mùi hương ngự<sup>3</sup>*

*Năm thức mây phong nếp áo châu*

*Sóng lớp phé hưng<sup>4</sup> coi đã rộn*

*Chuông hồi kim cổ<sup>5</sup> lắng càng mau*

*Người xưa, cảnh cũ, nào đâu tá?*

*Khéo ngẩn ngơ thay lũ trọc đầu!<sup>6</sup>*

(Dương Quảng Hàm, *Việt Nam thi văn hợp tuyển*, Bộ Quốc gia Giáo dục xuất bản, Hà Nội, 1951)

1. Chùa Trấn Bắc ở bờ phía đông Hồ Tây, Hà Nội, nguyên tên là chùa An Quốc, được xây từ đời Trần, đến năm Vĩnh Tộ thứ 10 (1628) đời Lê được làm lại và đổi là chùa Trấn Quốc, năm Dương Hoà thứ 5 (1639) chúa Trịnh Tráng lại cho sửa sang rộng thêm và đổi là chùa Trấn Bắc. Vua Lê, chúa Trịnh thường ngự ở đây thưởng sen.
2. *Hành cung* là cung điện xây ở ngoài kinh thành để khi vua đi chơi thì nghỉ chân ở đó.
3. *Hương ngự*: hơi của vua còn vương lại
4. *Phế hưng*: bỏ đi và hưng thịnh, chỉ các triều đại thay đổi: Lê, Tây Sơn, Nguyễn.
5. *Kim cổ*: nay và xưa
6. Ý cả câu nói các vị sư trong chùa không biết gì tới thời cuộc, triều đại thay đổi ở bên ngoài đời.

#### Tiểu dẫn:

Bà Huyện Thanh Quan tên thật là Nguyễn Thị Hinh, sống ở thế kỉ XIX, chưa rõ năm sinh năm mất, quê ở làng Nghi Tàm nay thuộc quận Tây Hồ, Hà Nội. Bà là một trong số nữ sĩ tài danh hiếm có trong thời đại ngày xưa. Phần quan trọng trong thơ văn của Bà huyện Thanh Quan là phần hoài cổ, tiếc thương quá khứ vàng son của tiền triều. Sinh trưởng vào thời Lê mạt và Nguyễn Sơ, bà đã chứng kiến bao cảnh thay ngôi đổi vị, chiến tranh tang thương. Cái ươn hèn của con cháu Hậu Lê, vua Lê Chiêu Thống toan "rước voi về dày má tổ", ... Bà huyện Thanh Quan muốn dùng văn thơ để nói lên lòng tha thiết tiếc thương cho một thời rực rỡ xa xưa bị vùi dập vì loạn ly khói lửa.

**HƯỚNG DẪN CHẤM**  
**ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I**  
**Môn: NGỮ VĂN 10**

<b>Phần</b>	<b>Câu</b>	<b>Nội dung</b>	<b>Điểm</b>
<b>I.1</b>		<b>Đọc hiểu</b>	<b>4,0</b>
	<b>1</b>	D	0.5
	<b>2</b>	A	0.5
	<b>3</b>	C	0.5
	<b>4</b>	B	0.5
	<b>5</b>	B	0.5
	<b>6</b>	B	0.5
	<b>7</b>	A	0.5
	<b>8</b>	D	0.5
<b>I.2</b>		<b>Tự luận</b>	<b>2.0</b>
	<b>1</b>	Gợi ý: "Sợi dây thừng" ẩn dụ cho sự chần chừ, không dám đối mặt với thất bại. Đó chính là giới hạn của mỗi con người khi đứng trước những khó khăn, thử thách.	1.0
	<b>2</b>	Gợi ý: Bất kể thế giới có đang kìm hãm bạn như thế nào, hãy luôn tin tưởng rằng những gì bạn mong muốn đạt được là hoàn toàn khả thi. Tin tưởng bạn có thể thành công là một yếu tố quan trọng để bạn thực sự đạt được nó. Niềm tin sẽ định nghĩa nên bạn là ai. Nhưng đôi khi, việc duy trì niềm tin cố hữu khiến chúng ta không thể tiến lên được, buông nó lại khiến cho cuộc sống tốt đẹp hơn.	1.0
<b>II</b>		<b>Viết</b>	<b>4,0</b>
		<i>a. Đảm bảo cấu trúc bài nghị luận văn học</i>	0,5
		<i>b. Xác định đúng vấn đề nghị luận.</i> Thiên nhiên và tâm tình của tác giả qua bài <i>Chùa Trấn Bắc</i>	0,25
		<i>c. Triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm</i>	

	<p>HS có thể triển khai theo nhiều cách, nhưng cần giới thiệu được vấn đề cần bàn luận, nêu rõ quan điểm của bản thân, hệ thống luận điểm chặt chẽ, lập luận thuyết phục.</p> <p>Sau đây là một hướng gợi ý:</p> <p><b>1. Mở bài</b></p> <p>Giới thiệu sơ lược về tác giả, tác phẩm</p> <p><b>2. Thân bài</b></p> <p>* Khái quát: nêu bối cảnh ra đời (dựa vào phần tiểu dẫn), thể thơ (thất ngôn bát cú Đường luật), xác định các yếu tố thi pháp thơ Đường như niêm – luật – vần – đối (bài thơ có luật trắc vần bằng, gieo vần thông “đâu – đau – châu – mau – đầu”. Cách gieo vần “<i>âu - au</i>” tạo độ trầm, gợi ra một âm điệu buồn bã, âu sầu, ngân dài như tiếng khóc, nên có thể thấy âm hưởng chung của toàn bài thơ là nỗi buồn sầu. Bài thơ theo niêm nhị chặt chẽ; các cặp câu 3-4, 5-6 đối nhau theo đúng luật thơ Đường).</p> <p>* Phân tích</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Hai câu đề: khái quát cảnh và tình của toàn bài thơ: khung cảnh “Trấn Bắc hành cung” nay hoang vắng, điêu tàn, dãi dầu trước nắng mưa “cỏ dãi dầu” làm chạnh lòng người khách đến viếng “chạnh niềm đau”. Hình ảnh chùa Trấn Bắc, hay nói rộng ra là thành Thăng Long cổ trở thành một hoài niệm vẫn vương trong lòng nhà thơ.</li> <li>- Hai câu thực đối nhau: “<i>máy tòa sen – năm thức mây</i>”, “<i>rót mùi hương ngự - phong nếp áo châu</i>” tưởng như phảng phất đâu đó còn sót lại dấu ấn của thời đại trước qua <i>mùi hương ngự, nếp áo châu</i>. Có thể thấy tâm trạng tiếc nuối, lưu luyến, nỗi buồn man mác của nhà thơ về một thời đại yên bình đã qua. -&gt; bút pháp tả cảnh ngụ tình.</li> </ul>	<p>0.5</p> <p>0.5</p> <p>1.0</p>
--	--	----------------------------------